TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 9-VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 84 /2026/DS-ST
Ngày 30/3/2026
V/v "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 9-VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Nguyễn Thanh Thuở

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phạm Văn Nam
2. Ông Võ Nhân Nghĩa

- *Thư ký Tòa án ghi biên bản phiên toà:* Bà Lê Thị Sương

Trong ngày 30 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 9 - Vĩnh Long mở phiên toà xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 364/2025/TLST-DS ngày 03 tháng 12 năm 2025 về việc "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản" theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2026/QĐXXST-DS ngày 05 tháng 3 năm 2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Trần Văn D, sinh năm 1987. Địa chỉ: 32/2 ấp Xương T, xã Đại Đ, tỉnh V.

Bị đơn: Ông Nguyễn Hồng L, sinh năm 1981. Địa chỉ: ấp Xương T, xã Đại Đ, tỉnh V.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án nguyên đơn trình bày:

Vào năm 2023 do chỗ anh em quen biết nên ông có cho ông Nguyễn Hồng L vay tiền trong 03 lần, cụ thể như sau: Lần 1: Vào ngày 27/3/2023 (âm lịch) ông L vay số tiền 30.000.000 đồng. Lần 2: Vào ngày 06/04/2023 (âm lịch) ông L vay số tiền 50.000.000 đồng. Lần 3: Vào ngày 16/02/2023 (âm lịch) ông L vay số tiền 100.000.000 đồng. Việc vay tiền không thỏa thuận thời hạn vay, sau đó có nhiều lần ông yêu cầu ông L trả tiền nhưng ông không thực hiện. Do ông L đã vi phạm nghĩa vụ trả tiền cho ông trong thời gian dài đã làm ảnh hưởng quyền lợi của ông nên nay ông yêu cầu Tòa án nhân dân khu vực 9-Vĩnh Long giải quyết buộc ông Nguyễn

Hồng Lam có nghĩa vụ trả số tiền vốn vay là 180.000.000 đồng và tiền lãi phát sinh cụ thể như sau:

- Tiền lãi của số tiền 30.000.000 đồng tính từ ngày 27/3/2023 (âm lịch) (nhâm ngày 16/5/2023 D lịch) đến ngày 16/11/2025 D lịch) là: 30.000.000 đồng x 30 tháng x 0,83% = 7.470.000 đồng.

- Tiền lãi của số tiền 50.000.000 đồng tính từ ngày 06/04/2023 (âm lịch) (nhằm ngày 24/5/2023 D lịch) đến ngày 16/11/2025 là: 50.000.000 đồng x 29 tháng 22 ngày x 0,83%/tháng = 12.339.334 đồng.

- Tiền lãi của số tiền 100.000.000 đồng tính từ ngày 16/02/2023 (âm lịch) (nhằm ngày 06/4/2023 D lịch) đến ngày 16/11/2025 là: 100.000.000 đồng x 31 tháng 10 ngày x 0,83% 26.007.000 đồng.

Tạm tính tiền lãi đến ngày 16/11/2025 là 45.816.334 đồng.Tổng cộng tiền vốn vay và tiền lãi tạm tính đến ngày 16/11/2025 ông Nguyễn Hồng L có nghĩa vụ trả cho ông là 225.816.334 đồng và yêu cầu tiếp tục tính lãi phát sinh từ ngày 17/11/2025 cho đến khi giải quyết xong vụ án với mức lãi suất 0,83%/tháng.

Theo bản tự khai, các lời khai có trong hồ sơ vụ án, bị đơn ông Nguyễn Hồng L trình bày:

Vào năm 2023 do cần tiền ông có vay cỉa ông Trần Văn D 03 lần: Lần 1: 16/2/2023 âm lịch là 100.000.000 đồng. Lần 2: 27/3/2023 âm lịch là 30.000.000 đồng. Lần 3: 06/4/2023 âm lịch là 50.000.000 đồng. Tổng số tiền là 180.000.000 đồng, lãi suất vay 10%/tháng. Ông đã đóng 01 lần lãi là 10.000.000 đồng, vốn chưa trả, mục đích vay tiền để mua bán. Nay ông đồng ý trả cho ông D số tiền vốn là 180.000.000 đồng và lãi suất 10%/năm tạm tính đến ngày 16/11/2025 là 45.816.334 đồng. Ông đồng ý tiếp tục trả lãi cho ông D lãi suất 10%/năm đến ngày xét xử. Ông vay tiền của ông D tiêu xài cá nhân nên ông có trách nhiệm trả, số lãi ông đã đóng ông không yêu cầu.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

- Căn cứ vào đơn khởi kiện của nguyên đơn và nội dung tranh chấp Hội đồng xét xử xác định quan hệ pháp luật là Tranh chấp hợp đồng vay tài sản theo quy định tại Điều 463 của Bộ luật dân sự và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Điều 26 Bộ luật tố tụng dân sự.

- Bị đơn có nơi cư trú tại xã Đại Điền, tỉnh Vĩnh Long nên Tòa án nhân dân khu vực 9 -Vĩnh Long có thẩm quyền giải quyết theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự.

- Nguyên đơn, bị đơn đều có yêu cầu xét xử vắng mặt nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Ông Trần Văn D yêu cầu ông Nguyễn Hồng L trả số tiền vay là 180.000.000 đồng. Ông L thừa nhận có vay của ông D số tiền 180.000.000 đồng và đồng ý trả cho ông D số tiền này. Đồng thời ông D và ông L đều thống nhất các lần vay, lần thứ nhất ngày 16/02/2023 âm lích ông L vay số tiền 100.000.000 đồng, lần thứ hai 27/3/2023 âm lịch ông L vay số tiền 30.000.000 đồng, lần thứ ba ngày 06/4/2023 âm lịch ông L vay số tiền 50.000.000 đồng. Các lần vay đều có làm giấy vay tiền. Do ông D và ông L đã thống nhất số nợ và thống nhất việc trả nợ nên ông L có trách nhiệm trả cho ông D số tiền 180.000.000 đồng.

[3] Về lãi suất: Ông Trần Văn D yêu cầu ông Nguyễn Hồng L trả lãi đối với số tiền vốn gốc, lãi suất ông D yêu cầu là 0,83%/tháng (10%/năm), số lãi tạm tính đến ngày 16/11/2025 là 45.816.334 đồng và yêu cầu ông L trả lãi từ ngày 17/11/2025 đến ngày xét xử (lãi suất 0,83%/tháng). Ông L đồng ý trả cho ông D số tiền lãi 45.816.334 đồng và tiền lãi từ ngày 17/11/2025 đến ngày xét xử sơ thẩm (30/3/2026) nên ghi nhận, cụ thể số tiền lãi được tính như sau:

45.816.334 đồng + (04 tháng 13 ngày) x 0,83%/tháng = 52.439.334 đồng.

Tổng số vống và lãi ông L trả cho ông D là: 180.000.000 đồng + 52.439.334 đồng = 232.439.334 đồng.

[4] Do yêu cầu khởi kiện của ông D được chấp nhận toàn bộ nên ông L phải chịu án phí theo quy định của Nghị quyết 326/2016/QH10 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, cụ thể là: 232.439.334 đồng x 5% = 11.621.966 đồng. Hoàn trả cho ông D số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các 26, 39, 147, 228 và 273 Bộ luật Tố tụng dân sự; các Điều 357, 463, 468 Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 26, 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Trần Văn D.

Buộc ông Nguyễn Hồng L có nghĩa vụ trả cho ông Trần Văn D số tiền 232.439.334 đồng, trong đó tiền vốn gốc là 180.000.000 đồng, tiền lãi là 52.439.334 đồng.

Kể từ khi Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự.

2. Về án phí :

- Buộc ông Nguyễn Hồng L có nghĩa vụ nộp số tiền án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch là 11.621.966 đồng.

- Hoàn trả cho ông Trần Văn D số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.645.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0010417 ngày 25/11/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tống đạt hợp lệ để yêu cầu Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- VKSNDKV9-Vĩnh Long (1b);
- TAND tỉnh Vĩnh Long (1b);
- Thi hành án dân sự tỉnh Vĩnh Long (1b) ;
- Các đương sự (2b)
- Lưu hồ sơ vụ án, VP (2b).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Thanh Thuở